

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ  
MST: 0101809894

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

QUÝ I.2026

Báo cáo gồm có:

- 1 Báo cáo tình hình tài chính công ty
- 2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>304,213,338,378</b>	<b>281,773,726,084</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>722,469,607</b>	<b>2,198,213,082</b>
1. Tiền	111		722,469,607	2,198,213,082
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11,184,025,247</b>	<b>11,184,025,247</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	11,184,025,247	11,184,025,247
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>236,154,334,463</b>	<b>208,977,370,420</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	237,769,955,919	210,039,502,965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,314,450,281	4,888,939,945
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	1,302,808,733	1,281,807,980
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(7,232,880,470)	(7,232,880,470)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>55,902,188,987</b>	<b>59,263,271,027</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	59,409,050,616	62,770,132,656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142	V.7	(3,506,861,629)	(3,506,861,629)
<b>V. Tài sản sinh học ngắn hạn</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
<b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>250,320,074</b>	<b>150,846,308</b>
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	250,320,074	150,846,308
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.12	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>522,740,525,723</b>	<b>21,607,859,563</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20,739,151,990</b>	<b>21,126,541,072</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	20,739,151,990	21,126,541,072
<i>Nguyên giá</i>	222		39,498,419,227	39,406,774,563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(18,759,267,237)	(18,280,233,491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		159,181,000	159,181,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(159,181,000)	(159,181,000)
<b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>	<b>230</b>		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
<i>Nguyên giá</i>	234		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
<b>IV. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	242		-	-
<b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>501,608,750,105</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		501,608,750,105	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	-
6.	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266	-	-
<b>VII.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>	<b>392,623,628</b>	<b>481,318,491</b>
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	392,623,628	481,318,491
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	274	-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>	<b>826,953,864,101</b>	<b>303,381,585,647</b>

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>156,566,053,293</b>	<b>140,540,025,082</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>154,186,348,216</b>	<b>138,160,320,005</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	58,269,470,718	43,356,738,430
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22,914,365,208	464,004,578
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1,891,175,957	2,561,403,149
5.	Phải trả người lao động	315		985,106,038	1,482,247,378
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316		257,540,000	366,558,363
7.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10.	Phải trả ngắn hạn khác	320		283,910,457	342,356,253
11.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V13a	67,738,531,651	87,740,763,667
12.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V14a	329,908,941	329,908,941
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V15	1,516,339,246	1,516,339,246
14.	Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>2,379,705,077</b>	<b>2,379,705,077</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước dài hạn	333		-	-
4.	Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6.	Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7.	Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8.	Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V13b	1,465,000,000	1,465,000,000
10.	Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11.	Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13.	Dự phòng phải trả dài hạn	343	V14b	914,705,077	914,705,077
14.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>670,387,810,808</b>	<b>162,841,560,565</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411 V16	650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn	412	1,101,120,105	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19,247,500,703	13,310,000,565
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	14,181,485,531	778,568,985
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	5,066,015,172	12,531,431,580
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>826,953,864,101</b>	<b>303,381,585,647</b>

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh



Lập, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Giám đốc

Trần Ngọc Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (KẾT QUẢ CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	71,374,684,678	67,710,280,348	71,374,684,678	67,710,280,348
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	313,638,606	2,205,261,266	313,638,606	2,205,261,266
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71,061,046,072	65,505,019,082	71,061,046,072	65,505,019,082
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	62,707,592,526	60,452,484,759	62,707,592,526	60,452,484,759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,353,453,546	5,052,534,323	8,353,453,546	5,052,534,323
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	7,841,144	18,047,458	7,841,144	18,047,458
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	1,638,733,538	1,049,223,618	1,638,733,538	1,049,223,618
Trong đó: Chi phí đi vay	24		1,567,596,075	1,049,223,618	1,567,596,075	1,049,223,618
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	500,787,767	449,150,413	500,787,767	449,150,413
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1,514,960,128	1,844,608,501	1,514,960,128	1,844,608,501
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,706,813,257	1,727,599,249	4,706,813,257	1,727,599,249
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2,740,147,710	1,201,627,368	2,740,147,710	1,201,627,368
13. Chi phí khác	32	VI.9	1,061,796	1,675,622	1,061,796	1,675,622
14. Lợi nhuận khác	40		2,739,085,914	1,199,951,746	2,739,085,914	1,199,951,746
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,445,899,171	2,927,550,995	7,445,899,171	2,927,550,995
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,508,399,033	589,378,304	1,508,399,033	589,378,304



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

#### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5,937,500,138</b>	<b>2,338,172,691</b>	<b>5,937,500,138</b>	<b>2,338,172,691</b>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	91.34	35.97	91.34	35.97
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	91.34	35.97	91.34	35.97

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh



Lập, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Giám đốc

Trần Ngọc Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7,445,899,171	2,927,550,995
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		479,033,746	472,983,989
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	-
- Chi phí đi vay	06		1,567,596,075	1,049,223,618
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,492,528,992	4,449,758,602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27,176,964,043)	(33,828,155,697)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,361,082,040	(2,486,999,995)
- Tăng, giảm Các khoản phải trả (Không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		34,519,861,194	29,368,503,825
- Tăng, giảm Chi phí chờ phân bổ	12		(10,778,903)	77,063,167
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(1,567,596,075)	(1,049,223,618)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18,618,133,205</b>	<b>(3,469,053,716)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(91,644,664)	(20,538,668)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(501,608,750,105)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(501,700,394,769)</b>	<b>(20,538,668)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ( BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ )**

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		501,608,750,105	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		29,460,295,019	34,239,155,645
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(49,462,527,035)	(33,595,249,390)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>481,606,518,089</b>	<b>643,906,255</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1,475,743,475)</b>	<b>(2,845,686,129)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2,198,213,082</b>	<b>3,956,588,389</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>722,469,607</b>	<b>1,110,902,260</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2026

Giám đốc

Trịnh Thị Kim Anh

Trịnh Thị Kim Anh

Trần Ngọc Hùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( CÔNG TY MẸ ) QUÝ I NĂM 2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 54 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 54 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các Chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu bao gồm:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

#### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu là dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Tăng, giảm số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu bán điện thành phẩm*

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	541.612.388	264.970.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	180.857.219	1.933.242.138
<b>Cộng</b>	<b>722.469.607</b>	<b>2.198.213.082</b>

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2% - 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>140.355.958.514</i></b>	<b><i>122.855.301.982</i></b>
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	67.876.380	47.674.440
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	1.016.020.368	1.091.288.081
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	128.853.569.424	113.281.176.522
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	647.831.248	874.627.580
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	5.275.780.030	4.121.935.878
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	605.690.220	1.185.607.132
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	841.460.624	507.369.047
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	3.047.730.220	1.745.623.302
...		
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>97.413.997.405</i></b>	<b><i>87.184.200.983</i></b>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1.119.737.886	1.119.737.886
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	4.285.142.584	4.315.142.584
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Xuyên Thái Bình Dương	11.203.502.246	18.403.502.246
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Chấn Hưng	18.193.922.709	22.693.922.709
Công ty TNHH Thương Mại Inox Hà Đông	31.126.806.837	10.857.374.251
Công ty Điện Lực Quảng Nam	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Đại An	30.943.814.878	29.305.595.316
Các khách hàng khác	541.070.265	488.925.991
<b>Cộng</b>	<b>237.769.955.919</b>	<b>210.039.502.965</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>4.314.450.281</b>	<b>4.888.939.945</b>
Công ty cổ phần thương mại quốc tế Phú Sỹ	726.000.000	726.000.000
GUANGXI QINBAO INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	2.470.185.575	2.470.185.575
Wuxi Ecooter Technology Co., Ltd	13.970.964	13.970.964
Aima Sport (Tianjin) Co., Ltd	53.602.695	120.367.052
Chongqing Charming Motorcycle Manufacture Co., LTD	265.415.072	265.415.072
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	-	416.819.589

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các nhà cung cấp khác	785.275.975	876.181.693
<b>Cộng</b>	<b>4.314.450.281</b>	<b>4.888.939.945</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.302.808.733</i>	<i>-1.072.000.000</i>	<i>1.281.807.980</i>	<i>-1.072.000.000</i>
Ký cược, ký quỹ	23.000.000		23.000.000	
Tạm ứng	88.935.000			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.190.873.733	-1.072.000.000	1.258.807.980	-1.072.000.000
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	-536.000.000	536.000.000	-536.000.000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	-536.000.000	536.000.000	-536.000.000
Cá nhân khác	118.873.733		186.807.980	
<b>Cộng</b>	<b>1.302.808.733</b>	<b>-1.072.000.000</b>	<b>1.281.807.980</b>	<b>-1.072.000.000</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xe máy điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	4.315.142.584	(4.315.142.584)	4.315.142.584	(4.315.142.584)
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1.845.737.886	(1.845.737.886)	1.845.737.886	(1.845.737.886)
Các đối tượng khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.232.880.470</b>	<b>(7.232.880.470)</b>	<b>7.232.880.470</b>	<b>(7.232.880.470)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	591.236			
Nguyên liệu, vật liệu	44.893.862.349	-354.141.941	46.995.269.542	-354.141.941
Công cụ, dụng cụ	637.007.324		802.306.629	
Bao bì luân chuyển	28.990.743			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	424.442.559		307.459.652	
Thành phẩm	8.751.185.557		8.571.212.715	
Hàng hóa	4.672.970.848	-3.152.719.688	6.093.884.118	3.152.719.688

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Cộng</b>	<b>59.409.050.616</b>	<b>-3.506.861.629</b>	<b>62.770.132.656</b>	<b>3.506.861.629</b>

**8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	68.403.783	94.769.710
Công cụ dụng cụ	99.138.310	56.076.598
Chi phí sửa chữa	5.775.829	
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	77.002.152	
<b>Cộng</b>	<b>250.320.074</b>	<b>150.846.308</b>

**9. Chi phí chờ phân bổ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	409.926.329	368.288.258
Chi phí sửa chữa	17.560.876	88.433.576
Chi phí biển quảng cáo	35.794.911	487.594.153
Chi phí khác	18.036.375	30.926.763
<b>Cộng</b>	<b>481.318.491</b>	<b>975.242.750</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	1.100.281.195	36.437.764.399	1.698.620.471	170.108.498	39.406.774.563
Mua trong năm		91.644.664			91.644.664
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.100.281.195</b>	<b>36.529.409.063</b>	<b>1.698.620.471</b>	<b>170.108.498</b>	<b>39.498.419.227</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	-353.746.321	16.447.449.595	1.308.929.077	170.108.498	18.280.233.491
Khấu hao trong năm	-27.507.030	-430.270.819	-21.255.897		-479.033.746
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối năm</b>	<b>-381.253.351</b>	<b>16.877.720.414</b>	<b>1.330.184.974</b>	<b>170.108.498</b>	<b>18.759.267.237</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	746.534.874	19.990.314.804	389.691.394		21.126.541.072
<b>Số cuối năm</b>	<b>719.027.844</b>	<b>19.651.688.649</b>	<b>368.435.497</b>		<b>20.739.151.990</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>52.937.082.595</b>	<b>36.111.169.785</b>
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	59.878.035	
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	29.402.732.038	26.975.492.825

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	23.474.472.522	9.135.676.960
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>5.332.388.123</b>	<b>7.245.568.645</b>
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	634.341.723	1.220.241.352
Công ty Cổ phần Công Nghiệp và Thương Mại An Thành Phát	658.390.518	665.403.822
NANNING GAOLI INDUSTRIAL AND TRADING CO., LTD	513.298.944	1.259.396.040
SHANDONG LONGGUANG TIANXU SOLAR ENERGY CO.,LTD	4.108.482	4.108.482
Công ty TNHH Kết cấu thép 568		
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh		
Công ty TNHH Dương Tiến Phát	518.431.086	518.431.086
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Inox Minh Phú		
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu 4GS Việt Nam	185.520.269	201.278.963
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Tập	456.375.751	456.375.751
Các nhà cung cấp khác	2.361.921.350	2.920.333.149
<b>Cộng</b>	<b>58.269.470.718</b>	<b>43.356.738.430</b>

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	647.277.188	912.256.982	1.182.880.981	376.653.189
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		542.870.186	542.870.186	
Thuế xuất, nhập khẩu		591.236	591.236	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.893.255	1.508.399.033	1.889.893.258	1.508.399.030
Thuế thu nhập cá nhân	24.232.706	43.621.703	61.730.671	6.123.738
Thuế bảo vệ môi trường		950.000	950.000	
Các loại thuế khác				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		1.061.787	1.061.787	
<b>Cộng</b>	<b>2.561.403.149</b>	<b>3.009.750.927</b>	<b>3.679.978.119</b>	<b>1.891.175.957</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8-10%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,445,899,171	2,927,550,995
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	96,096,000	19,340,529
• Các khoản điều chỉnh tăng	96.096.000	19.340.529

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
• Các khoản điều chỉnh giảm	-	
Thu nhập tính thuế	7.541.995.171	2.946.891.524
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.508.399.033	589.378.304
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.508.399.033</b>	<b>589.378.304</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 13. Vay

### 13a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng<sup>(*)</sup></i>	<i>66.628.531.651</i>	<i>86.260.763.667</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	9.894.520.431	19.101.072.343
Vay ngắn hạn ngân hàng VP Tây Hồ	13.595.438.871	13.595.438.871
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đống Đa-PGD Thành Công	43.138.572.349	53.564.252.453
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An)</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>67.738.531.651</b>	<b>87.740.763.667</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	86.260.763.667	1.480.000.000	87.740.763.667
Số tiền vay phát sinh trong năm	29.460.295.019	-	29.460.295.019
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-
Số tiền vay đã trả trong năm	(49.092.527.035)	(370.000.000)	(49.462.527.035)
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.628.531.651</b>	<b>1.110.000.000</b>	<b>67.738.531.651</b>

### 13b. Vay dài hạn

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.465.000.000	2.945.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn		(1.480.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.465.000.000</b>	<b>1.465.000.000</b>

## 14. Dự phòng phải trả

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 14a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

### 14b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	867.486.577	867.486.577
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47.218.500	47.218.500
<b>Cộng</b>	<b>914.705.077</b>	<b>914.705.077</b>

### 15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.516.339.246	1.505.891.640
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		122.497.606
Chi quỹ		(112.050.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.516.339.246</b>	<b>1.516.339.246</b>

### 16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>					
Số dư đầu năm nay	115.025.160.000		4.406.859.603	31.168.870.725	150.600.890.328
Lợi nhuận trong năm				12.531.431.580	12.531.431.580
Trích lập các quỹ				122.497.606	122.497.606
Thù lao HĐQT, BKS				168.263.737	168.263.737
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (*)	34.506.400.000		4.406.859.603	30.099.540.397	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>149.531.560.000</b>			<b>13.310.000.565</b>	<b>162.841.560.565</b>
<b>Năm nay</b>					
Số dư đầu năm nay	149.531.560.000			13.310.000.565	162.841.560.565
Lợi nhuận trong năm				5.937.500.138	5.937.500.138
Trích lập các quỹ					
Thù lao HĐQT, BKS					
Tăng vốn từ phát hành CP hoán đổi CP công ty SSP(*)	500.507.630.000	1.101.120.105			501.608.750.105
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>650.039.190.000</b>	<b>1.101.120.105</b>	<b>-</b>	<b>19.247.500.703</b>	<b>670.387.810.808</b>

\* Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 17/11/2025 đã thông qua phương án phát hành 50.050.763 cổ phiếu để hoán đổi phần vốn góp của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(“SHI”) tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (“SSP”), với giá hoán đổi là 10.022 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 500.507.630.000 VND.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐQT/SHE thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi phần vốn góp. Theo đó, Công ty đã phát hành thành công 50.050.763 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho SHI để hoán đổi toàn bộ phần vốn góp tại SSP. Đợt phát hành hoàn tất vào ngày 24 tháng 02 năm 2026, với tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 500.507.630.000 VND. Sau khi hoàn tất đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 650.039.190.000 VND. Cùng ngày, Công ty đã lập Báo cáo số 01/2026/BCKQ-SHE gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo kết quả phát hành. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 14/04/2026, sửa đổi Điều lệ Công ty theo mức vốn điều lệ mới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	43.072.347.739	41.465.970.157
Doanh thu bán thành phẩm	27.536.297.402	25.406.846.379
Doanh thu cung cấp dịch vụ	766.039.537	837.463.812
Doanh thu khác		
Cộng	71.374.684.678	67.710.280.348

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng hóa ( 5111 )	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	39.460.300	339.899.621
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	8.929.672.114	13.538.824.386
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	18.537.100	4.118.502.817
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	204.740.000	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	1.158.415.018	2.163.458.748
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ		17.065.268.100
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	18.319.500	1.937.987.497
khách hàng khác		
Tổng cộng	10.369.144.032	39.163.941.169
Doanh thu bán thành phẩm ( 5112 )	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	20.497.320.532	20.905.061.300
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	1.518.436.648	
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	364.385.179	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	2.965.630.600	423.992.500
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	838.505.000	614.242.700

khách hàng khác

<b>Tổng cộng</b>	<b>26.184.277.959</b>	<b>21.943.296.500</b>
------------------	-----------------------	-----------------------

### Doanh thu bán dịch vụ ( 5113 )

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	27.107.886	16.186.125
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An		
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	103.583.060	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	58.664.443	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ		189.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	150.000	

khách hàng khác

<b>Tổng cộng</b>	<b>189.505.389</b>	<b>16.375.125</b>
------------------	--------------------	-------------------

## 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	289.540.000	966.950.000
Hàng bán bị trả lại	24.098.606	1.238.311.266
Giảm giá hàng bán		
<b>Cộng</b>	<b>313.638.606</b>	<b>2.205.261.266</b>

## 3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40.852.720.575	22.312.053.557

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	21.489.045.662	37.663.239.019
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	365.826.289	477.192.183
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		
<b>Cộng</b>	<b>62.707.592.526</b>	<b>60.452.484.759</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	467.418	18.047.458
Lãi từ hoạt động cho vay		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.373.726	
<b>Cộng</b>	<b>7.841.144</b>	<b>18.047.458</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.567.596.075	1.049.223.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	71.137.463	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Chi phí tài chính khác		-
<b>Cộng</b>	<b>1.638.733.538</b>	<b>1.049.223.618</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	157.795.657	26.648.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.209.150	30.791.508
Chi phí bảo hành	235.998.049	206.108.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.990.000	68.127.436
Các chi phí khác	35.794.911	117.474.342
<b>Cộng</b>	<b>500.787.767</b>	<b>449.150.413</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	507.546.078	1.136.070.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.471.777	56.655.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.729.856	269.429.614
Các chi phí khác	361.212.417	382.452.889
<b>Cộng</b>	<b>1.514.960.128</b>	<b>1.844.608.501</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ lãi phạt chậm trả theo hợp đồng	2.740.147.710	1.201.627.368
<b>Cộng</b>	<b>2.740.147.710</b>	<b>1.201.627.368</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (“Toàn Mỹ”)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh

Lập, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Giám đốc





Trần Ngọc Hùng